

Công văn

Tiền Giang, ngày 21 tháng 2 năm 2017

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu kiểm toán

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trước tiên, Công ty Cổ phần Hùng Vương ("HVG" hoặc "Công ty") xin gửi tới Quý Ủy ban và Quý Sở lời chào trân trọng cũng như cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Ủy ban và Quý Sở trong thời gian qua.

Phúc đáp Công văn số 670/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 9 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 147/SGDHCM-NY của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 8 tháng 2 năm 2017 về việc giải trình chi tiết các khác biệt giữa báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 ("BCTC") do Công ty tự lập và BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán.

Căn cứ vào Mục 4, Mục 5, Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin được giải trình như sau:

I. Các chỉ tiêu chính trên bảng cân đối kế toán riêng:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.482.432.334.735	4.057.406.671.179	(425.025.663.556)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	155.965.946.596	228.480.617.379	72.514.670.783
Phải thu ngắn hạn khác	136	314.117.095.815	567.905.591.739	253.788.495.924
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(242.077.601.080)	(292.874.757.594)	(50.797.156.514)
Hàng tồn kho	141	2.100.290.701.307	2.303.631.022.819	203.340.321.512
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	21.297.914.500	21.297.914.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	9.933.500.705.450	10.002.806.331.997	69.305.626.547
Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.184.121.107.607	3.521.236.909.253	337.115.801.646
Lỗi lũy kế	421	(125.980.295.094)	(395.480.070.193)	(269.499.775.099)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	9.933.500.705.450	10.002.806.331.997	69.305.626.547

1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 425.025.663.556 VND chủ yếu do:
 - a. Phân loại sang chỉ tiêu Phải thu dài hạn của khách hàng là 21.297.914.500 VND do các khoản này có kỳ hạn trả nợ trên 12 tháng; và
 - b. Điều chỉnh giảm doanh thu và khoản phải thu khách hàng tương ứng liên quan đến nghiệp vụ bán bã nành và sang nhượng quyền sử dụng ao lần lượt là 228.000.000.000 VND và 180.733.250.000 VND, ghi nhận sai niên độ kế toán (xem chi tiết ở mục II.1, II.2 của Công văn này)
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn tăng 72.514.670.783 VND do phân loại lại các khoản trả trước cho người bán từ tài khoản phải trả người bán ngắn hạn cho mục đích trình bày trên BCTC đã được kiểm toán. Công ty đã ghi nhận số tiền thuần trên BCTC tự lập bằng cách cân trừ giữa tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của tài khoản phải trả.
3. Phải thu ngắn hạn khác tăng 253.788.495.924 VND chủ yếu do phân loại lại các khoản phải thu bên liên quan từ tài khoản phải trả ngắn hạn người bán cho mục đích trình bày trên BCTC đã kiểm toán. Công ty đã ghi nhận số tiền thuần trên BCTC tự lập bằng cách cân trừ giữa tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các khoản phải trả.
4. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi tăng 50.797.156.514 VND chủ yếu là do trích lập bổ sung dự phòng theo quy định hiện hành dựa trên tuổi nợ của khoản phải thu.
5. Hàng tồn kho tăng 203.340.321.512 VND chủ yếu do:
 - a. Điều chỉnh tăng hàng tồn kho và giảm giá vốn hàng bán tương ứng với cùng số tiền là 187.543.477.119 VND liên quan đến nghiệp vụ bán bã nành bị ghi nhận sai niên độ (xem chi tiết ở mục II.2 của Công văn này); và
 - b. Điều chỉnh tăng hàng tồn kho đang đi đường và tăng phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 với số tiền là 14.178.449.700 VND liên quan đến nghiệp vụ mua hàng bị ghi nhận sai niên độ.
6. Phải trả người bán ngắn hạn tăng 337.115.801.646 VND chủ yếu do việc phân loại lại một số khoản trong tài khoản trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác cho mục đích trình bày trên BCTC đã kiểm toán và ghi nhận tăng khoản phải trả ngắn hạn tương ứng với việc ghi nhận tăng hàng tồn kho đang đi đường như đã được trình bày trong các mục I.2, I.3 và I.5b bên trên.
7. Lỗ lũy kế tăng 269.499.775.099 VND là do ảnh hưởng của:
 - a. điều chỉnh làm tăng lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là 307.248.046.099 VND như đã trình bày ở mục II; và
 - b. điều chỉnh giảm thu nhập tài chính trong năm liên quan đến khoản cổ tức được chia từ Công ty CP Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("VT") – công ty con của Công ty với số tiền là 37.201.700.460 VND như được trình bày tại mục II.3. Công ty đã ghi giảm khoản này vào số dư lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán của BCTC riêng tự lập.

II. Các chỉ tiêu chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	9.131.077.552.811	8.721.706.784.444	(409.370.768.367)
Giá vốn hàng bán	11	8.510.940.111.463	8.323.396.634.344	(187.543.477.119)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	604.062.253.591	382.272.480.710	(221.789.772.881)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	229.275.851.709	192.074.151.249	(37.201.700.460)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	47.319.794.026	99.778.770.485	52.458.976.459
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	252.965.235.937	(62.302.229.702)	(315.267.465.639)
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN	62	251.425.161.451	(55.822.884.648)	(307.248.046.099)

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau kiểm toán giảm 307.248.046.099 VND so với số liệu trước kiểm toán, chủ yếu do các điều chỉnh sau:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sau kiểm toán giảm 409.370.768.367 VND chủ yếu do 2 bút toán điều chỉnh:
 - Giảm doanh thu bán hàng hóa tổng cộng là 228.000.000.000 VND do ghi nhận doanh thu bán bã đậu nành sai niên độ kế toán. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty chưa hoàn tất việc chuyển giao hầu hết rủi ro và và lợi ích của hàng bán cho người mua nên chưa thỏa mãn điều kiện để ghi nhận doanh thu theo Chuẩn mực kế toán Việt nam ("CMKTVN") số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.
 - Giảm doanh thu bán hàng hóa khác tổng cộng là 180.733.250.000 VND do ghi nhận doanh thu bán ao cá sai niên độ kế toán. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan cần thiết để có thể chuyển nhượng quyền sở hữu các ao cá này sang cho người mua nên chưa thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu theo CMKTVN số 14 – Doanh thu và thu nhập khác .
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ bị điều chỉnh giảm 187.543.477.119 VND, tương ứng với các nghiệp vụ ghi giảm doanh thu như đã đề cập bên trên.
3. Doanh thu hoạt động tài chính bị điều chỉnh giảm 37.201.700.460 VND do việc điều chỉnh giảm cổ tức được chia từ Công ty VT trong năm 2015. Trong năm 2016, căn cứ vào thông báo hủy chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/16/TT-DHCD của Công ty VT vào ngày 27 tháng 1 năm 2016, Công ty đã ghi giảm số tiền 37.748.271.000 VND trực tiếp vào số dư lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán của BCTC tự lập. Khoản này được điều chỉnh giảm vào thu nhập từ hoạt động tài chính trong BCTC đã kiểm toán.
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp bị điều chỉnh tăng 52.458.976.459 VND chủ yếu do việc trích lập bổ sung dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo quy định hiện hành dựa trên tuổi nợ của khoản phải thu.
5. Các điều chỉnh khác có ảnh hưởng không đáng kể.

III. Các chỉ tiêu chính trên bảng cân đối kế toán hợp nhất:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.261.896.787.309	6.810.916.782.788	(450.980.004.521)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	362.298.226.788	409.105.767.855	46.807.541.067
Phải thu ngắn hạn khác	136	376.283.604.172	610.397.284.743	234.113.680.571
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(354.665.892.727)	(408.881.885.145)	(54.215.992.418)
Hàng tồn kho	141	4.466.854.458.549	4.643.637.728.960	176.783.270.411
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	164.223.128.037	164.223.128.037
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	53.884.061.875	93.071.550.760	39.187.488.885
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	16.425.530.054.243	16.603.014.882.025	177.484.827.782
Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.108.204.587.924	3.561.051.224.176	452.846.636.252
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	485.968.090.254	304.094.140.282	(181.873.949.972)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	16.425.530.054.243	16.603.014.882.025	177.484.827.782

1. Phải thu ngắn hạn khách hàng giảm 450.980.004.521 VND chủ yếu do:
 - a. Phân loại sang chỉ tiêu Phải thu dài hạn khách hàng là 164.223.128.037 VND do kỳ hạn trả nợ trên 12 tháng;
 - b. Điều chỉnh giảm doanh thu và khoản phải thu tương ứng liên quan đến nghiệp vụ bán bã đậu nành và sang nhượng quyền sử dụng ao lần lượt là 228.000.000.000 VND và 180.733.250.000 (xem chi tiết ở mục IV.1 của Công văn này); và
 - c. Điều chỉnh làm tăng khoản phải thu ngắn hạn và phải trả ngắn hạn với cùng số tiền là 111.925.407.260 VND do việc cán trừ nợ phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn chưa được thực hiện phù hợp trong BCTC tự lập.
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn tăng 46.807.541.067 VND do việc phân loại lại các khoản trả trước cho người bán từ tài khoản phải trả cho mục đích trình bày BCTC đã kiểm toán. Công ty đã ghi nhận số tiền thuần trên BCTC tự lập bằng cách cán trừ giữa tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các khoản phải trả.
3. Phải thu ngắn hạn khác tăng 234.113.680.571 VND chủ yếu do phân loại lại các khoản phải thu bên liên quan từ tài khoản phải trả ngắn hạn người bán cho mục đích trình bày trên BCTC đã kiểm toán. Công ty đã ghi nhận số tiền thuần trên BCTC tự lập bằng cách cán trừ giữa tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các khoản phải trả.
4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng 54.215.992.418 VND chủ yếu là do trích lập bổ sung dự phòng theo quy định hiện hành dựa trên tuổi nợ của khoản phải thu.
5. Hàng tồn kho tăng 176.783.270.411 VND chủ yếu là do:
 - a. Điều chỉnh tăng hàng tồn kho và giảm giá vốn hàng bán tương ứng với cùng số tiền là 187.543.477.119 VND liên quan đến nghiệp vụ bán bã đậu nành bị ghi nhận sai niên độ kế toán (xem chi tiết ở mục II.2 của Công văn này);
 - b. Điều chỉnh tăng hàng tồn kho đang đi đường và tăng phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 với số tiền là 14.178.449.700 VND liên quan đến nghiệp vụ mua hàng bị ghi nhận sai niên độ; và
 - c. Điều chỉnh giảm hàng tồn kho với số tiền là 29.474.367.189 VND do việc loại trừ lãi chưa thực hiện phát sinh từ các nghiệp vụ mua bán trong Tập đoàn trong BCTC hợp nhất tự lập chưa được thực hiện phù hợp.
6. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tăng 39.187.488.885 VND do ảnh hưởng của bút toán loại trừ lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn.
7. Phải trả người bán ngắn hạn của khách hàng tăng 452.846.636.252 VND chủ yếu do việc phân loại lại một số khoản trong tài khoản trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác cho mục đích trình bày trên BCTC đã kiểm toán và ghi nhận tăng khoản phải trả tương ứng với việc ghi nhận tăng hàng tồn kho đang đi đường như đã được trình bày trong các mục III.1.c, III.2, III.3 và III.5b bên trên và phân loại lại các khoản phải trả ngắn hạn khác với số tiền 45.384.254.143 VND.
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của cổ đông công ty mẹ giảm 181.873.949.972 VND chủ yếu là do:
 - a. tăng lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là 357.942.426.294 VND như giải trình ở mục IV;
 - b. ghi nhận việc điều chuyển 140.000.000.000 VND từ Quỹ đầu tư phát triển sang khoản mục lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị trong năm 2016 chưa được phản ánh trong BCTC hợp nhất tự lập;
 - c. điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của cổ đông công ty mẹ và giảm lợi ích của cổ đông không kiểm soát là 34.490.002.035 VND chưa được phản ánh phù hợp trong BCTC hợp nhất tự lập.

IV. Các chỉ tiêu chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÉNH LỆCH
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20.064.197.058.396	18.026.107.190.957	(2.038.089.867.439)
Giá vốn hàng bán	11	18.349.619.169.238	16.534.783.698.227	(1.814.835.471.011)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.571.530.002.027	1.349.537.577.841	(221.992.424.186)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	24	32.342.746.991	(32.180.736.056)	(64.523.483.047)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	216.424.331.783	268.069.730.780	51.645.398.997
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	406.317.409.288	58.769.383.353	(347.548.025.935)
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ	62	308.646.792.863	(49.295.633.431)	(357.942.426.294)

Lợi nhuận sau thuế TNDN thuộc cổ đông công ty mẹ sau kiểm toán giảm 357.942.426.294 VND so với số liệu trước kiểm toán, chủ yếu do các điều chỉnh sau:

1. Doanh thu giảm 2.036.827.895.197 VND và giá vốn hàng bán giảm 1.814.835.471.011 VND chủ yếu do:
 - a. Điều chỉnh doanh thu và giá vốn trên BCTC riêng của Công ty mẹ với số tiền lần lượt là 409.333.250.000 VND và 187.543.477.119 VND (xem phần giải trình cho BCTC riêng, mục II); và
 - b. Loại trừ doanh thu, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn với số tiền lần lượt là 1.627.494.645.197 VND và 1.627.291.993.892 VND chưa được phản ánh phù hợp trong BCTC hợp nhất tự lập.
2. Lợi nhuận từ các công ty liên kết, liên doanh giảm 64.523.483.047 VND do việc loại trừ lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn chưa được thực hiện phù hợp trong BCTC hợp nhất tự lập.
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 51.645.398.997 VND chủ yếu do việc trích lập bổ sung dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo quy định hiện hành dựa trên tuổi nợ của khoản phải thu.
4. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

Trên đây là nội dung giải trình cho các chênh lệch trọng yếu của BCTC đã kiểm toán so với số liệu trước kiểm toán của Công ty Cổ phần Hùng Vương. Trong thời gian sắp tới, để việc ghi nhận kế toán và lập BCTC được chính xác hơn, Ban Giám đốc Công ty đang trong quá trình hoàn thiện và nâng cao chất lượng của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty.

Trân trọng,

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG



Dương Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

Xác nhận của đơn vị kiểm toán:

Chúng tôi đồng ý với giải trình của Quý Công ty



Anthony Lê Dương
Phó Tổng Giám đốc